TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 906/2025/HS-PT Ngày: 26/9/2025	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Chiều

Ông Nguyễn Văn Chương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Chính – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 649/2025/TLPT-HS ngày 25/07/2025 do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị K và Nguyễn Thị N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 130/2025/HS-ST ngày 04/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử phúc thẩm số 691/2025/QĐXXPT-HS ngày 27/8/2025 đối với:

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị V, sinh ngày 02/6/1962. Đăng ký thường trú: Thôn X, xã X, huyện S, Thành phố Hà Nội (Nay là xã Đ, Thành phố Hà Nội); Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 0/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con ông Nguyễn Văn C (Đã chết); Con bà Nguyễn Thị N1 (Đã chết); Chồng là Nguyễn Văn D, sinh năm 1960 (Đã chết); Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/8/2024 đến ngày 04/4/2025. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Vắng mặt.

2. Nguyễn Thị K, sinh ngày 10/10/1966; Đăng ký thường trú: Thôn X, xã X, huyện S, thành phố Hà Nội (Nay là xã Đ, Thành phố Hà Nội); Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con ông Nguyễn Bình N2 (Đã chết); Con bà Nguyễn Thị C1 (Đã chết); Chồng là Hoàng Văn T, sinh năm 1966; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1993. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 21/8/2024 đến ngày 04/4/2025. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Nguyễn Thị N, sinh ngày 24/02/1956; Đăng ký thường trú: Thôn X, xã X,

huyện S, thành phố Hà Nội (Nay là xã Đ, Thành phố Hà Nội); Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 2/7; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con ông Nguyễn Hữu Đ (Đã chết); Con bà Vương Thị B (Đã chết); Chồng là Nguyễn Văn T1, sinh năm 1946; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1978, con nhỏ nhất sinh năm 1984. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 20/8/2024 đến ngày 04/4/2025. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án này, còn có 03 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc phê duyệt thành lập Cụm C, thuộc địa phận thôn X, xã X, huyện S; Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 30/3/2023; Quyết định số 3297/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc điều chỉnh Quyết định số 2802 ngày 26/02/2020 về việc thành lập Cụm C thuộc địa phận thôn X, xã X, huyện S và Văn bản số 196/TTg-NĐCP ngày 22/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về nội dung chấp thuận Ủy ban nhân dẫn Thành phố Hà Nội quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án Cụm C tại huyện S.

Ủy ban nhân dân huyện S đã giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất và Ủy ban nhân dân xã X thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án theo quy định. Sau thời gian tích cực triển khai đã đạt được kết quả quan trọng, đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân thôn X, xã X, huyện S đã chấp hành, nhận tiền và bàn giao đất. Tuy nhiên, quá trình triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án, một số hộ gia đình không đồng thuận, không hợp tác, gây khó khăn cho các cơ quan chức năng, làm kéo dài việc triển khai thực hiện dự án. Để phản đối dự án, một số người dân tại thôn X, xã X, huyện S đã tuyên truyền, lôi kéo, kích động người dân tập trung phản đối dự án, tẩy chay những người dân đã nhận tiền đền bù dự án.

Ngày 12/5/2022 và ngày 16/5/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất có báo cáo số 48 và 82 về khó khăn vướng mắc trong công tác quy chủ sử dụng đất dự án. Ngày 27/02/2023, Ủy ban nhân dân huyện S có báo cáo số 75 về khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng dự án nêu trên. Ngày 01/4/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất có báo cáo số 66 về kết quả thực hiện giải phóng mặt bằng dự án và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, ngày 02/5/2024, Ủy ban nhân dân huyện S đã ban hành Quyết định số 99 quyết định cưỡng chế thu hồi đối với 99 thửa đất của 86 hộ gia đình tại thôn X, xã X. Ngày 06/6/2024, Trung tâm phát triển quỹ đất - Ủy ban nhân dân huyện S có phương án số 02 cưỡng chế thu hồi đất, san gạt mặt

bằng; tiếp nhận, quản lý chống tái lấn chiếm mặt bằng dự án Cụm L, xã X, huyện S (Đ).

Ngày 20/6/2024, Ủy ban nhân dân xã X có báo cáo số 110 về việc vận động, thuyết phục chủ sử dụng đất chấp hành quyết định thu hồi đất, nhận tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng dự án, trong đó nêu về việc các hộ dân không hợp tác, không đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

Ngày 04/7/2024, Ủy ban nhân dân huyện S có báo cáo số 383 về việc triển khai giải phóng mặt bằng dự án trong đó nêu khó khăn, vướng mắc khi triển khai dự án và diễn biến tình hình khi Ủy ban nhân dân huyện S chuẩn bị triển khai công tác cưỡng chế thu hồi đất. Cụ thể: Từ khoảng 06 giờ 30 phút ngày 25/6/2024, có khoảng 150 người dân (Chủ yếu là người già, phụ nữ) ở thôn X, xã X, huyện S tụ tập mang theo cờ đỏ sao vàng, băng, đánh trống, loa pin, tụ tập tại khu vực đường A (Đường vào khu vực triển khai dự án) gây mất an ninh trật tự, an toàn giao thông. Những người này dựng 02 lều bạt ở cánh đồng B, thôn X, xã X ăn uống, cử người túc trực, thường xuyên trông giữ đất tại khu vực triển khai dự án, khi có lực lượng chức năng đến thì đánh trống, hô hoán người dân kéo đến phản đối dự án. Ủy ban nhân dân xã X nhiều lần vận động giải tán nhưng không thành. Ngoài ra, các đối tượng tổ chức họp xóm để tẩy chay những hộ gia đình đã nhận tiền đền bù dự án (Như không cho tham gia công việc của xóm, gia đình có công việc mọi người không đến, không giúp đỡ...), gây chia rẽ trong nội bộ quần chúng nhân dân.

Quá trình điều tra làm rõ vai trò cụ thể của các đối tượng như sau:

Nguyễn Văn Đ1 là người hô hào người dân dựng 02 lều lán, chỉ đạo lập 02 lều lán (01 lều cho nam, 01 lều cho nữ) tại khu vực cánh đồng Bùi, thôn X, xã X nơi triển khai dự án để trông giữ đất. Nguyễn Văn Đ1 trực tiếp đến cửa hàng quảng cáo ở thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh in 02 băng rôn khẩu hiệu với nội dung *"Dân tôi không đồng ý bán ruộng"* để phản đối dự án hết số tiền 150.000 đồng, lấy từ tiền ủng hộ lều lán nhằm mục đích gây áp lực với chính quyền, phản đối dự án. Nguyễn Văn Đ1 sử dụng Facebook có tên là "Nguyễn Đ1", có trên 3.600 người theo dõi, được đăng ký bằng số điện thoại 0979.448.998 của Đường để đăng tải các bài viết, video với nội dung phản đối dự án và để những người xem biết Đ1 và mọi người phản đối dự án đang trông giữ tại lều lán, kích động, lôi kéo những người dân tham gia phản đối dự án. Nguyễn Văn Đ1 sử dụng tiền do người dân ủng hộ để mua 06 quạt tích điện và nhận 3.500.000 đồng do Hoàng Văn Đ2 - Là câu đương xóm Mới trường học đưa cho, sau đó Đ1 đưa lại cho Nguyễn Thị N, N viết giấy biên nhận tiền, Đ1 giao lại giấy biên nhận cho Đ2.

Hoàng Văn P với vai trò là đảng viên Đ7, người cao tuổi, nguyên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, nguyên Trưởng Công an xã, Trung đội trưởng có uy tín trong thôn X, xã X, huyện S. P là người trực tiếp nhiều lần có ý kiến phản đối dự án, có lời nói để hô hào, chỉ đạo người dân và có những hành động cụ thể để phản đối việc cưỡng chế thu hồi đất thực hiện dự án (Bảo người dân đoàn kết giữ đất, dựng lều lán để giữ đất, nhận 2.900.000 đồng của C2 đương xóm của P rồi đưa cho Nguyễn Thị

N. Hoàng Văn P yêu cầu Nguyễn Văn Đ1 trả lại bớt 04 quạt tích điện khi Đ1 mua 10 quạt tích điện để sử dụng tại lều lán. Hoàng Văn P chỉ đạo mua và lắp đặt thiết bị điện năng lượng mặt trời, chỉ đạo sử dụng tiền chi tiêu ăn uống, sinh hoạt hàng ngày tại lều lán, hết tiền công đức thì đi quyên góp của dân, ai ở gần xóm nào báo cho xóm đấy, trực tiếp chỉ đạo Hoàng Văn Đ2 thu của mỗi hộ dân 50.000 đồng để phục cho việc sinh hoạt, mua trang thiết bị tại lều lán, chỉ đạo tẩy chay các hộ gia đình đã chấp hành, nhận tiền đền bù của dự án.

Hoàng Văn Đ2 với vai trò là câu đương xóm Mới trường học đã cùng với Nguyễn Hữu T2 (Sinh năm 1975, cũng là câu đương xóm Mới trường học) tổ chức họp xóm theo sự chỉ đạo của Hoàng Văn P và Nguyễn Văn Đ1 để thu tiền của các hộ dân ủng hộ dự án, tại cuộc họp có bàn về việc tẩy chay 03 hộ gia đình đã nhận tiền bồi thường của dự án. Hoàng Văn Đ2 trực tiếp thu tiền và yêu cầu Nguyễn Hữu T2 thu mỗi hộ gia đình 50.000 đồng - để phục vụ cho hoạt động trông coi lều lán chống đối dự án và thu được số tiền - ủng hộ là 3.500.000 đồng. Đ2 mang tiền đến lều lán nộp thì gặp Đ1, Đ1 bảo nộp cho Nguyễn Thị N, nhưng do N không có ở lán nên Đ2 đưa cho Đ1. Ngoài ra, Đ2 còn có lời nói xúc phạm ông Hoàng Văn T3 do gia đình ông T3 đã nhận tiền đền bù dự án.

Nguyễn Thị N có hành vi trực tiếp thu tiền của các câu đương, N bảo Nguyễn Thị K nhận và làm nhiệm vụ thủ quỹ vì nhà K gần lều lán để thuận tiện thu, chi. Sau khi trực tiếp nhận tiền của các câu đương, N tổng hợp và chuyển cho Nguyễn Thị K để sử dụng vào việc phục vụ các hoạt động phản đối dự án Cụm C. Nhợi thường xuyên có mặt tại lều lán để khi có người dân mang đồ ăn đến ủng hộ thì nhận và giao cho mọi người cùng ăn uống. Khi có lực lượng chức năng có hoạt động liên quan đến dự án thì N đánh trống và cùng mọi người hô hoán, kêu gọi mọi người tập trung gây rối phản đối dự án.

Nguyễn Thị V có hành vi đánh trống kêu gọi người dân tập trung gây rối phản đối dự án khi cơ quan chức năng tiến hành cưỡng chế thu hồi đất ngày 25/6/2024, dẫn đến cuộc cưỡng chế không được triển khai. Ngoài ra, V còn đánh trống tại lều lán kêu gọi mọi người tập trung phản đối gia đình bà K1 (H đã nhận tiền đền bù dự án) để ngăn cản việc bà K1 đổ đất.

Nguyễn Thị K làm nhiệm vụ thủ quỹ, giữ tiền do câu đương giao nộp sau khi thu của các hộ dân để ủng hộ cho hoạt động lều lán nhằm phản đối dự án Cụm C. Khi có công việc tại lều lán cần sử dụng đến tiền thì mọi người đến gặp K để nhận tiền và nộp lại hóa đơn mua bán cho K.

Ngày 23/7/2024, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố H có văn bản thông báo số 326 về kết luận chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Trọng Đ3 - Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H tại cuộc làm việc với Thường vụ Huyện ủy S1 về công tác giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án.

Ngày 04/8/2024, sư Thích Đàm H1 (Tên thật là Phạm Thị Bích H2, sinh năm 1990, trú tại: Q, T, Hà Nội) cùng khoảng 200 phật tử tiến hành làm lễ cầu an ngày Mồng một hàng tháng tại chùa Đ8, thôn X, xã X. Sau khi làm lễ xong, thầy Thích

Chánh T4 đến và lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của Ban chấp hành phật tử. Tại đây, bà Nguyễn Thị P1 (Là Trưởng ban phật tử) thông báo số tiền quỹ còn lại của chùa Đ8 là 380.485.000 đồng và bà P1 cùng Ban chấp hành phật tử xin nghỉ, bàn giao lại số tiền quỹ. Thầy T4 có ý kiến không đồng ý nhận số tiền và khi nào tổ chức cuộc họp dân bầu ra Ban chấp hành phật tử mới thì tiến hành bàn giao tiền quỹ. Tại cuộc họp: Bà Hoàng Thị B1 nói: "Các bà phải giao tiền cho dân", bà Ngọ Thị M nói: "Những ai lấy tiền bồi thường, hỗ trợ của dự án Cụm C thì sẽ không được sinh hoạt tại chùa". Nguyễn Văn Đ1 mặc dù không phải là phật tử, không phải là thành viên Ban chấp hành phật tử của chùa nhưng có lời nói: "Tốt nhất ông biến khỏi chùa, ông đi đi, đừng bao giờ về chùa tôi nữa". Sau đó, thầy T4 và thầy H2 có ý kiến ai muốn nhận giữ số tiền quỹ thì ký biên bản bàn giao và bàn giao tiền cho người đó. Nguyễn Văn Đ1 bảo Nguyễn Thị V (Không phải là phật tử của chùa) đứng ra nhận giữ số tiền quỹ 380.485.000 đồng, cùng ký vào biên bản giao nhận tiền và có lời lẽ đuổi sư H2. Nguyễn Thị V đã sử dụng 1.258.000 đồng tiền quỹ chùa để để đóng tiền điện cho chùa, Vĩnh giữ số tiền 15.410.000 đồng; sử dụng 815.000 đồng tiền quỹ chùa để chi trả thuê xe đi gửi tiền tiết kiệm tại ngân hàng. Ngày 05/8/2024, Nguyễn Văn Đ1 cùng V, N và một số người đi cùng đến Ngân hàng A - Chi nhánh P2 để gửi tiền tiết kiệm và thống nhất để Nguyễn Thị N đứng tên trong sổ tiết kiệm tiền gửi đối với số tiền 363.000.000 đồng được mở tại Ngân hàng.

Ngày 15/8/2024, Công ty cổ phần X có văn bản kiến nghị về khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai dự án Cụm công nghiệp làng nghề xã X, huyện S.

Kết quả trưng cầu giám định; việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng:

- Trưng cầu giám định: Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định video thu giữ tại chùa Đ8, thôn X, xã X. Bản kết luận giám định số 6696 ngày 04/11/2024 kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các video thu giữ.

- Tạm giữ đồ vật, tài liệu: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu trắng, lắp số sim 0979448998 tạm giữ của Nguyễn Văn Đ1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C12 màu xanh, lắp sim 0378417501 tạm giữ của Hoàng Văn P; Số tiền 15.410.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Thị Vĩnh .

Cơ quan điều tra đã ra lệnh phong tỏa số tiền 363.000.000 đồng được gửi tại tài khoản số 3160401045526 Ngân hàng A của Nguyễn Thị N. Ban chấp hành phật tử chùa Đ8 đề nghị được nhận lại tiền quỹ của chùa Đ8.

Đối với hành vi của các đối tượng liên quan gồm: Đinh Xuân Đ4 (Sinh năm 1979, câu đương xóm M 12); Hoàng Văn L (Sinh năm 1981, câu đương xóm M 12); Nguyễn Văn S (Sinh năm 1962, trú tại xóm M); Nguyễn Hữu M1 (Sinh năm 1978, câu đương xóm X); Nguyễn Văn L1 (sinh năm 1979, câu đương xóm X); Nguyễn Văn T5 (Sinh năm 1972, câu đương xóm M 11); Nguyễn Văn T6 (Sinh năm 1981, câu đương xóm Đ); Nguyễn Hữu H3 (Sinh năm 1985, câu đương xóm Đ); Đinh Văn T7 (sinh năm 1976, câu đương xóm M); Hoàng Văn C3 (Sinh năm 1976, câu đương

xóm M); Nguyễn Hữu T2; Nguyễn Văn L2 (sinh năm 1974, câu đương xóm Đ); Nguyễn Văn H4 (Sinh năm 1982, câu đương xóm C); Nguyễn Văn V1 (Sinh năm 1982, câu đương xóm C); Đinh Xuân T8 (Sinh năm 1957, trú tại xóm A); Nguyễn Văn L3 (Sinh năm 1957, sâu đường xóm A), Nguyễn Hữu L4 (Sinh năm 1955, trú tại xóm M), Đinh Văn M2 (Sinh năm 1975, câu đương xóm Đ5) có hành vi thu tiền để ủng hộ việc phản đối dự án. Do tính chất phức tạp của vụ việc, cần tiếp tục làm rõ hành vi của các đối tượng liên quan nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H tách hành vi và tài liệu liên quan đối với các đối tượng nêu trên để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau.

Đối với hành vi của Nguyễn Thành B2 (Sinh năm 1982, câu đương xóm Mới Chợ); Nguyễn Văn H5 (Sinh năm 1982, câu đương xóm M) có hành vi đánh trống kêu gọi mọi người trong xóm đến họp để phân công công việc giúp đỡ đám ma, không thu tiền ủng hộ hoạt động tại lều lán; Nguyễn Văn T9 (Sinh năm 1990, trú tại thôn X, xã X, huyện S) là người soạn thảo, chỉnh sửa đơn cho bị cáo Nguyễn Văn Đ1 để gửi đến cơ quan có thẩm quyền các cấp phản đối dự án Cụm C và có bài đăng tải trên Facebook cá nhân thể hiện việc bà con nhân dân thôn X phản đối dự án. Nguyễn Thị L5 (Sinh năm 1962, trú tại thôn X, xã X) sử dụng tài khoản Facebook cá nhân chia sẻ những bài viết của bị cáo Nguyễn Văn Đ1. Vương Thị Đ6 (Sinh năm 1955, trú tại xóm X, thôn X), Nguyễn Thị D1 (Sinh năm 1964, trú tại xóm M, thôn X), Ngọ Thị M có hành vi đến lều lán khoảng 03 lần, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng này.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 130/2025/HSST ngày 04/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị K và Nguyễn Thị N phạm tội "Gây rối trật tự công cộng"; Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1 và Khoản 2 (Đối với bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị K) Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt các bị cáo: Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị K mỗi bị cáo 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị N được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 20/8/2024 đến ngày 04/4/2025; bị cáo Nguyễn Thị K được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 21/8/2024 đến ngày 04/4/2025.

Ngoài ra bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt của các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/6/2025 và ngày 10/6/2025, các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị K và Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận định đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo về hình thức.

Về tội danh và hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 130/2025/HSST ngày 04/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù và cho các bị cáo được hưởng án treo, cụ thể:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị K và Nguyễn Thị N phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo: Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị K mỗi bị cáo 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 26/9/2025. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Các bị cáo công nhận bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị K và Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo là hợp lệ, được chấp nhận về hình thức.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo công nhận bản án hình sự sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội "Gây rối trật tự công cộng" là đúng người, đúng tội. Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Quá trình triển khai thực hiện dự án Cụm C thuộc địa phận thôn X, xã X, huyện S, thành phố Hà Nội gặp khó khăn, vướng mắc do một số hộ gia đình chống đối, không hợp tác, gây khó khăn cho các cơ quan chức năng. Điển hình vào ngày 25/6/2024, khi lực lượng chức năng tổ chức cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện dự án và các ngày sau đó, các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Hoàng Văn P, Hoàng Văn Đ2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị K có hành vi kêu gọi, hô hào những người dân của thôn X, xã X, huyện S tham gia gây rối trật tự công cộng, phản đối dự án Cụm C tại thôn X, xã X, huyện S, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức tại địa phương, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện dự án. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội

“Gây rối trật tự công cộng” với tình tiết định khung “Phạm tội có tổ chức” theo điểm a khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 130/2025/HSST ngày 04/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị K và Nguyễn Thị N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm a khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt và xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo:

Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo; Sau khi xem xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện dự án Cụm C tại thôn X, xã X, huyện S. Các bị cáo bị xét xử với tình tiết định khung “Phạm tội có tổ chức”, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo: Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N mỗi bị cáo 24 tháng tù là phù hợp.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, không phải người chủ mưu, cầm đầu. Trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật hạn chế (Nguyễn Thị V học vấn 0/10, Nguyễn Thị K 7/10, Nguyễn Thị N 2/7). Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, là phụ nữ tuổi cao, sức yếu.

Bị cáo Nguyễn Thị N 69 tuổi, bị thoái hóa cột sống, trượt đĩa đệm. Tại địa phương, bị cáo được Ủy ban nhân dân xã X, huyện S tặng Giấy khen ghi nhận đóng góp vào sự nghiệp phát triển cộng đồng và được Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội nông dân huyện S chứng nhận người tốt, việc tốt. Bị cáo có chồng là người có công với cách mạng, tham gia kháng chiến được tặng Huân chương kháng chiến, bị nhiễm chất độc hoá học tỷ lệ tổn thương 31%.

Bị cáo Nguyễn Thị V 63 tuổi, hiện đang điều trị tổn thương thoái hóa khớp gối. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, con trai bị bệnh tim, con gái đang điều trị ung thư, con dâu bị tâm thần, chồng chết năm 2020.

Bị cáo Nguyễn Thị K 59 tuổi, gia đình được Ủy ban nhân dân xã X tặng Giấy khen có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống dịch Covid-19. Chồng bị cáo đau ốm, phẫu thuật ung thư dạ dày.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại sơ sở giam giữ; Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; Hội đồng xét xử quyết định cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65

của Bộ luật Hình sự và ấn định thời gian thử thách để các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Về hiệu lực thi hành bản án: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 130/2025/HSST ngày 04/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội) theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù và cho các bị cáo được hưởng án treo, cụ thể:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị K và Nguyễn Thị N phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 26/9/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 26/9/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 26/9/2025.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị K và Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân xã Đ, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị K và Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Về hiệu lực thi hành bản án: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hà Nội;
- CQCSĐT thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 7 – Hà Nội;
- TAND khu vực 7 – Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Các bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Hiếu